

KẾ HOẠCH
TỔ CHỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ CUỐI HKII
NĂM HỌC: 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Kế hoạch số 21/KH-LVT ngày 21 tháng 9 năm 2022 về Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 của trường Tiểu học Lê Văn Tám;

Trường Tiểu học Lê Văn Tám xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì cuối HKII năm học 2022-2023 như sau:

I. MỤC TIÊU

- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng.
- Thực hiện phân quyền tự chủ, tăng cường trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm đối với học sinh và của tổ khối đối với hoạt động chuyên môn trong nhà trường.
- Đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng nhằm phản ánh đúng thực chất kết quả học tập của học sinh.
- Tuyệt đối không tạo áp lực kiểm tra định kì đối với học sinh, chỉ xem như một hoạt động đánh giá thông thường hằng ngày dành cho các em.

II. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA HỌC SINH

1. Nội dung đánh giá, kiểm tra định kì cuối năm

- Tổ chức đánh giá định kì cuối năm tất cả các môn học/Hoạt động giáo dục theo Thông tư 27/2020 (đối với lớp 1, 2, 3) và Thông tư 22/2016 (đối với lớp 4, 5).
- Đối với học sinh lớp 1, 2: tổ chức bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, Toán.

- Đối với học sinh lớp 3: tổ chức bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ.

- Đối với học sinh lớp 4 và 5: tổ chức bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Tiếng Anh, Tin học.

2. Tổ chức ôn tập

- Giáo viên xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh lớp mình, thông báo và phối hợp cùng gia đình nhằm ôn tập tốt cho học sinh. Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực, tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho học sinh và gia đình các em.

- Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không soạn đề cương bắt buộc học sinh làm bài, tránh việc nhồi nhét kiến thức dưới hình thức học thuộc lòng bài mẫu. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, tự rèn luyện theo đúng chuẩn kiến thức, kĩ năng.

3. Cách thức ra đề kiểm tra định kì

- Tổ chuyên môn chủ động lập kế hoạch điều phối chương trình nhằm đảm bảo học sinh được ôn tập trước khi kiểm tra.

- Tổ khối có trách nhiệm lập ma trận, soạn đề kiểm tra:

- + Khối 1,2: Tiếng Việt, Toán

- + Khối 3: Tiếng Việt, Toán, Công nghệ

- + Khối 4, 5: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử & Địa lí.

- Giáo viên chủ nhiệm soạn đề dựa trên ma trận đã lập, sau đó nộp về cho tổ trưởng chuyên môn. Tổ trưởng chuyên môn tổ chức thẩm định, kiểm tra trong tổ và gửi 03 bộ đề/môn về BGH. Riêng lớp 1/1 và lớp 2/2 có thêm 1 bộ đề/môn cho học sinh học hòa nhập.

- Giáo viên tiếng Anh lập ma trận và soạn đề kiểm tra tiếng Anh (lớp 3, 4, 5).

- Giáo viên Tin học lập ma trận và soạn đề kiểm tra Tin học (lớp 3, 4, 5).

- Phó hiệu trưởng thẩm định và duyệt chọn 02 đề (01 đề chính thức và 01 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho mỗi khối, nội dung đề kiểm tra đảm bảo chính xác, khoa học, đánh giá được năng lực của học sinh theo chuẩn kiến thức, kĩ năng.

III. NỘI DUNG – CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKII

1. Nội dung

- Đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình theo văn bản số 16/2006/QĐ-BGDĐT (lớp 4, 5); đảm bảo các yêu cầu cần đạt các môn học

theo chương trình tổng thể giáo dục phổ thông 2018 của Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT (lớp 1, 2, 3).

- Không tổ chức kiểm tra, đánh giá các bài không dạy hoặc đã chuyển thành đọc thêm, tự học.

- Lớp 1, 2: Kiến thức chương trình đến hết tuần 33 đối với môn Toán, Tiếng Việt.

- Lớp 3: Kiến thức chương trình đến hết tuần 33 đối với môn Toán, Tiếng Việt, Công nghệ, tiếng Anh, Tin học.

- Lớp 4, 5: Kiến thức chương trình đến hết tuần 33 đối với môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, tiếng Anh, Tin học.

2. Cấu trúc

- Đề kiểm tra định kì cuối năm các môn học phải đảm bảo: phù hợp theo chuẩn kiến thức, kĩ năng các môn học của từng khối lớp và định hướng phát triển năng lực học sinh, theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tường minh, chặt chẽ, khoa học; có tính phân hóa cho từng đối tượng học sinh, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:

- * Đối với lớp 1, 2, 3:

Mức 1: **50%** - Mức 2: **30%** - Mức 3: **20%**.

- * Đối với lớp 4, 5:

Mức 1: **40%** - Mức 2: **30%** - Mức 3: **20%** - Mức 4: **10%**

- Ma trận thực hiện theo hướng dẫn của **Công văn 3392/SGDDĐT-GDTH ngày 19/9/2022: Tiếng Việt (Phụ lục 1), Toán (Phụ lục 2), Khoa học, Lịch sử & Địa lí (Phụ lục 4), Tin học, Công nghệ (Phụ lục 5).**

- Phần hướng dẫn chấm phải rõ ràng, có đáp án chính xác, cụ thể và chi tiết.

2.1. Môn Tiếng Việt

2.1.1. Lớp 1

- **Đọc tiếng** (6 điểm): bài chọn ngoài (5 bài), học sinh chọn đọc 1 đoạn/văn bản khoảng 60 tiếng/phút và trả lời 1 câu hỏi của GV về nội dung bài đọc.

- **Đọc hiểu** (4 điểm): bài chọn ngoài phù hợp với chủ đề trong giới hạn chương trình HKII, độ dài văn bản xuôi từ 90 - 120 chữ, thơ khoảng từ 50 - 65 chữ, gồm:

- + Câu hỏi đọc hiểu văn bản: 2 câu hỏi trắc nghiệm, 1 câu hỏi tự luận.

- + Câu hỏi đọc hiểu về hình thức: 1 câu hỏi trắc nghiệm.

- **Kiểm tra viết** (10 điểm)

+ Chính tả (Nghe – viết) một đoạn văn (hoặc thơ) có độ dài khoảng 30-35 chữ/15 phút (6 điểm)

+ Bài tập chính tả: viết các chữ có vần khó, các mở đầu bằng c/k, g/gh, ng/ngh, đặt dấu thanh (2 điểm)

+ Bài tập từ, câu: nhận biết, cách dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi, ...; đặt câu đơn giản về người và vật xung quanh theo gợi ý (2 điểm)

* Thời gian làm bài: Kiểm tra viết (30 phút), Đọc hiểu (25 phút).

2.1.2. Lớp 2, 3

- **Đọc tiếng** (4 điểm): bài chọn ngoài (6 bài), học sinh chọn đọc 1 đoạn/văn bản khoảng 65-70 tiếng/phút (lớp 2) và 75-80 tiếng/phút (lớp 3) và trả lời 1 câu hỏi của GV về nội dung bài đọc.

- **Đọc hiểu** (6 điểm): bài chọn ngoài phù hợp với chủ đề trong giới hạn chương trình HKII, ngữ liệu:

✓ Lớp 2: truyện (195-200 chữ) / miêu tả (170-180 chữ) / thơ (70-75 chữ) / thông tin (130-140 chữ)

✓ Lớp 3: truyện (200-250 chữ) / miêu tả (180-200 chữ) / thơ (80-100 chữ) / thông tin (140-150 chữ)

+ Câu hỏi đọc hiểu văn bản (4 điểm), gồm: 4 câu hỏi trắc nghiệm, 2 câu hỏi tự luận.

+ Câu hỏi kiến thức Tiếng Việt (2 điểm), gồm: 2 câu hỏi trắc nghiệm, 1 câu hỏi tự luận.

Lưu ý: điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nói,...) là 0,5 điểm. Điểm tối đa cho mỗi câu hỏi mở (chủ yếu là mức 3) là 1 điểm.

- **Chính tả** (4 điểm): bài chọn ngoài; viết đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 - 55 chữ (lớp 2) và 65-70 chữ (lớp 3).

- **Viết sáng tạo** (6 điểm): viết đoạn văn theo một trong các yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết đoạn văn đối với từng khối lớp, độ dài 4-5 câu (lớp 2), 8-10 câu (lớp 3).

* Thời gian làm bài: Chính tả (15 phút), Viết sáng tạo (25 phút), Đọc hiểu (35 phút).

2.2.3. Lớp 4, 5

- **Đọc tiếng** (5 điểm): bài chọn ngoài (6 bài), học sinh chọn đọc 1 đoạn/văn bản khoảng 90 tiếng/phút (lớp 4) và 100 tiếng/phút (lớp 5) và trả lời 1 câu hỏi của GV về nội dung bài đọc.

- **Đọc hiểu** (5 điểm): bài chọn ngoài phù hợp với chủ đề trong giới hạn chương trình HKII:

- + Ngữ liệu khoảng 250 chữ (lớp 4), 350 chữ (lớp 5).
- + Câu hỏi đọc hiểu văn bản (2,5 điểm), gồm: 4 câu hỏi trắc nghiệm, 1 câu hỏi tự luận.
- + Câu hỏi kiến thức Tiếng Việt (2,5 điểm), gồm: 3 câu hỏi trắc nghiệm, 2 câu hỏi tự luận.

- **Chính tả** (5 điểm): bài chọn ngoài; viết đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 90 chữ (lớp 4) và 100 chữ (lớp 5).

- **Tập làm văn** (5 điểm): Không cho lại các đề học sinh đã làm, chú ý ra đề theo hướng “mở”.

* Thời gian làm bài: Chính tả (15 phút), Đọc hiểu (30 phút), Tập làm văn (40 phút).

2.2. Môn Toán

2.2.1. Lớp 1

- Thời gian làm bài: 35 phút
- Thang điểm: Trắc nghiệm: 3đ - Tự luận: 7đ
- Đề kiểm tra có 10 câu hỏi gồm các câu hỏi trắc nghiệm khách quan (Đúng sai, điền khuyết, nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đối chiếu nối cặp,...) và các câu hỏi tự luận, mỗi câu hỏi 1 điểm.
- Đối với mạch kiến thức môn Toán: Số học khoảng 80% (8 câu); Hình học và đo lường khoảng 20% (2 câu).

2.2.2. Lớp 2

- Thời gian làm bài: 40 phút.
- Thang điểm: Trắc nghiệm: 3đ - Tự luận: 7đ
- Đối với các mạch kiến thức môn Toán: Số học: khoảng 60% - Yếu tố hình học và đo lường: khoảng 30% - Xác suất và thống kê 10%.

Lưu ý: Giải toán có lời văn (1 lời giải và 1 phép tính): tăng cường các bài toán phát triển năng lực thông qua các tình huống trong thực tế trong cuộc sống được tích hợp trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng; không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

2.2.3. Lớp 3

- Thời gian làm bài: 40 phút.
- Thang điểm: Trắc nghiệm: 3đ - Tự luận: 7đ

- Đối với các mạch kiến thức môn Toán: Số học và phép tính: khoảng 70% - Hình học và đo lường: khoảng 22% - Xác suất, thống kê: 3% - Hoạt động trải nghiệm 5%.

Lưu ý: Giải toán có lời văn (2 lời giải và 2 phép tính): tăng cường các bài toán phát triển năng lực thông qua các tình huống trong thực tế trong cuộc sống được tích hợp trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng; không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

2.2.4. Lớp 4, 5

- Thời gian làm bài: 40 phút.
 - Thang điểm: Trắc nghiệm: 3đ - Tự luận: 7đ
 - Đối với các mạch kiến thức môn Toán: Số học: 50% - Đại lượng và đo đại lượng: 30% - Yếu tố hình học: 20%.

Lưu ý: Giải toán có lời văn: tăng cường các bài toán phát triển năng lực thông qua các tình huống trong thực tế trong cuộc sống được tích hợp trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng; không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

- + Lớp 4: có đến 3 bước tính
- + Lớp 5: có đến 4 bước tính

2.3. Khoa học, Lịch sử và Địa lí

- Thời gian làm bài : 35 phút.
 - Trắc nghiệm: 60% - Tự luận: 40%.
 - Sử dụng đa dạng các hình thức câu hỏi gồm 8 câu.

*** Môn Khoa học**

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...).
 - Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

*** Môn Lịch sử - Địa lí**

- Phần Lịch sử (5 điểm):
 + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.
 + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.
 - Phần Địa lí (5 điểm):
 + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.
- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...).
- Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

2.4. Môn tiếng Anh

- Lớp 1, 2: Không thực hiện bài kiểm tra định kì, chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh.
- Lớp 3, 4, 5:
 - + Nội dung đề kiểm tra cần đáp ứng chuẩn kiến thức cần đạt của mỗi khối lớp.
 - + Điểm tối đa cho mỗi kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết là 10 điểm, kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 4 kĩ năng, được làm tròn không lấy phần thập phân.
 - + Bài kiểm tra định kì được tiến hành trong thời gian 35 phút cho 03 kĩ năng: Nghe (10 phút), Viết (15 phút), Đọc (10 phút).
 - + Bài kiểm tra kĩ năng Nói: giáo viên phụ trách cho học sinh kiểm tra từ tuần 32 đến tuần 33 theo thời khóa biểu của lớp. Thời lượng kiểm tra kĩ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

2.5. Môn Tin học

- Lớp 1, 2: Không thực hiện bài kiểm tra định kì, chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh.
- Lớp 3, 4, 5:
 - + Thời gian làm bài: 40 phút cho phần Lí thuyết (10 phút) và thực hành (30 phút).
 - + Thang điểm: Lí thuyết (5 điểm), thực hành (5 điểm).
 - + Lí thuyết: sử dụng hình thức trắc nghiệm gồm 10 câu.
 - + Giáo viên Tin học có trách nhiệm thiết lập ma trận và soạn đề đảm bảo 2 bộ đề/khối lớp.

2.6. Môn Công nghệ lớp 3

- Thời gian làm bài: 35 phút.

- Thang điểm: Trắc nghiệm: 5đ - Tự luận hoặc sản phẩm dự án: 5đ
- Sử dụng đa dạng các hình thức câu hỏi gồm 8 câu.
- Số bài ôn tập kiểm tra, cụ thể như sau: bài 7, 8, 9.

3. Thời gian kiểm tra

- Theo Lịch kiểm tra chung của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 (sẽ có văn bản riêng).

4. Tổ chức coi kiểm tra định kì

- Lớp 1, 2, 3, 4: Phân công giám thị 1 là giáo viên lớp trên, giám thị 2 là giáo viên chủ nhiệm.
- Lớp 5: Phân công giám thị 1 là giáo viên khối khác, giám thị 2 là giáo viên chủ nhiệm.

- Đối với môn Khoa học, Lịch sử & Địa lí, Công nghệ, tiếng Anh: đổi chéo giáo viên trong khối.

5. Tổ chức chấm kiểm tra định kì

- Chấm tập trung tại phòng giáo viên (thời gian cụ thể sẽ được thông báo sau khi có lịch kiểm tra của PGD).
- Phân công: giáo viên lớp khác là giám khảo 1, giáo viên chủ nhiệm là giám khảo 2.
- Chấm thẩm định bài KTĐK: 10% số bài/môn học/lớp. Phân công giáo viên khối lớp trên chấm thẩm định, riêng khối 5 chấm thẩm định theo kế hoạch của PGD.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Ngày 11/4/2023: triển khai kế hoạch đến giáo viên các khối lớp.
- Từ ngày 11/4 - 14/4/2023: giáo viên tiến hành lập ma trận, soạn đề kiểm tra dựa trên ma trận.
- Ngày 17/4/2023: các tổ chuyên môn thẩm định và kiểm tra kỹ trong tổ 3 bộ đề/môn.
- Ngày 18/4/2023: Tổ trưởng nộp ma trận, đề kiểm tra, đáp án 3 bộ đề hoàn chỉnh (bản giấy) cho Phó hiệu trưởng thẩm định.
- Ngày 21/4/2023: Tổ trưởng chuyên môn gửi các file đề đã chỉnh sửa về địa chỉ email truckhanh2@yahoo.com

2. Đối với giáo viên tiếng Anh, Tin học

- Ngày 11/4/2023: triển khai kế hoạch tổ đến giáo viên.

- Từ ngày 11/4 - 14/4/2023: giáo viên tiến hành lập ma trận, soạn đề kiểm tra dựa trên ma trận.
- Ngày 17/4/2023: Giáo viên nộp ma trận, đề kiểm tra, đáp án hoàn chỉnh (bản giấy) cho Phó hiệu trưởng thẩm định.
- Ngày 21/4/2023: Giáo viên gửi các file đề đã chỉnh sửa về địa chỉ email truckhanh2@yahoo.com

3. Đối với giáo viên Giáo dục Thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật

- Giáo viên cho học sinh kiểm tra trong tuần 32 và 33 theo thời khóa biểu của lớp.
- Giáo viên thông báo nội dung kiểm tra và thời gian kiểm tra cụ thể đến GVCN, học sinh; nhờ GVCN thông báo đến CMHS để phối hợp thực hiện.
- Đánh giá định kì cuối năm trên hệ thống thông tin quản lí giáo dục trong tuần 34.

*** Lưu ý**

- Giáo viên chủ nhiệm thông báo cụ thể lịch kiểm tra tất cả các môn đến học sinh, CMHS.
- Các khối chủ động xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh. Nội dung của tuần ôn tập môn Tiếng Việt phải được thể hiện rõ trên kế hoạch tuần của các khối.
- GVCN hỗ trợ giáo viên Tin học, giáo viên tiếng Anh nhắc nhở học sinh ôn tập tốt các nội dung ở học kì 2.

Trên đây là kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì cuối HKII năm học 2022-2023 của trường Tiểu học Lê Văn Tám, đề nghị các bộ phận thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- GVCN, GVBM;
- Phó hiệu trưởng;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Yến